

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 168

THÍCH THIỀN BA LA
MẬT THỨ ĐỆ PHÁP MÔN

SỐ 1916
(QUYỂN 1 → 3)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1916

THÍCH THIỀN BA-LA-MẬT THỨ ĐỆ PHÁP MÔN

Đời Tỳ Đại sư Thiên Thai Trí Giả giảng

Đệ tử: Pháp Thận ghi chép, Chương An Quán Đảnh sửa lại.

LỜI TỰA

Thiền Ba-la-mật, Phụ Hành nói trong Mục Lục Thứ Đệ Thiền Môn nói là Đại sư Trí Giả giảng ở chùa Ngõa Quan. Đệ tử là Pháp Thận ở chùa Đại Trang Nghiêm ghi chép và Thiền sư Chương An quán Đảnh sửa lại thành mười quyển, mở ra mười chương lớn: Một là đại ý, hai là giải thích tên, ba là nói môn, bốn là giải thích theo thứ lớp, năm là phân biệt Thiền Ba-la-mật pháp tâm, sáu là phương tiện, bảy là tu chứng, tám là quả báo, chín là khởi giáo, mười là quy thú. Nhưng đến tu chứng thì ba thứ kia không có. Trong phần tu chứng lại mở ra bốn thứ riêng: Một là thiền thế gian, hai là thiền thế gian cũng là xuất thế gian, ba là thiền xuất thế gian, bốn là không phải thiền thế gian cũng không phải thiền xuất thế gian. Trong bốn thứ ấy thì đến thứ ba là thiền xuất thế gian lại có hai: Một là Đối trị vô lậu, hai là Duyên lý vô lậu. Đến Đối trị lại có chín, đó là chín tướng, tám niệm, ba mươi tướng, bối xả, thắng xứ, Nhất thiết xứ, chín định thứ đệ, phần tấn, siêu việt. Nhưng tướng tu chứng đâu thể đủ hết. Truyện nói: Đại sư từng ở trên tòa cao bảo: Nếu nói thứ lớp thiền môn thì suốt một năm mới hết, nếu viết thành chương sớ thì có thể năm - mười quyển. Nay xin nêu bày Đại khoa để người học biết rõ trước sau.

Mười chương gồm có:

1. Đại ý tu thiền Ba-la-mật.

2. Giải thích tên gọi thiền Ba-la-mật.
3. Nói về môn Thiền Ba-la-mật
4. Giải thích theo thứ lớp thiền Ba-la-mật.
5. Phân biệt pháp tâm thiền Ba-la-mật.
6. Phân biệt tiền phương tiện thiền Ba-la-mật, quyển hai. Có hai:
 - a) Ngoại phương tiện
 - * Chánh thức nói nhân chỉ phát thiện căn nội ngoại, quyển 3
 - * Nghiệm ác căn tánh, quyển 4.
 - b) Nội thanh tịnh
 - * Chánh thức nói nhân chỉ phát thiện căn nội ngoại, quyển 3
 - * Nghiệm ác căn tánh, quyển 4.
7. Giải thích tu chứng thiền Ba-la-mật, có bốn:
 - a) Tu chứng thế gian thiền. Có ba tướng:
 - * Tứ thiền, quyển 5
 - * Bốn tâm vô lượng, quyển 6
 - * Bốn định vô sắc, quyển 6
 - b) Tu chứng thiền thế gian và xuất thế gian. Có ba:
 - * Lục diệu môn, quyển 7
 - * Hai mươi sáu Đặc thắng, quyển 7
 - * Thông minh, quyển 8.
 - c) Tu chứng thiền xuất thế gian. Có hai:
 - * Đối trị vô lậu, có chín:
 1. Chín tướng, quyển 9
 2. Tám niệm, quyển 9 Quán pháp hoại
 3. Ba mươi tướng - quyển 9.
 4. Tám bối xả, quyển 10
 5. Tám thắng xứ, quyển 10 Quán pháp chẳng hoại:
 6. Mười Nhất thiết xứ, quyển 10
 7. Chín định thứ đệ, quyển 10
 8. Sư tử phấn tấn, quyển 10
 9. Tam-muội siêu việt.
 - * Duyên lý vô lậu
 - d) Tu chứng không phải thiền thế gian cũng không phải thiền xuất thế gian.
 8. Hiện bày quả báo thiền Ba-la-mật.
 9. Khởi giáo thiền Ba-la-mật. Không nói.
 10. Kết hội quy thú Ba-la-mật.

SỐ 1916

**THÍCH THIÊN BA-LA-MẬT
THỨ ĐỆ PHÁP MÔN****QUYỂN 1
(PHẦN 1)**

Thích Thiên Ba-la-mật Thứ Đệ Pháp Môn mở ra làm mười ý Đó ý là: 1. Đại ý tu thiền Ba-la-mật; 2. Giải thích tên thiền Ba-la-mật; 3. Nói về pháp môn thiền Ba-la-mật; 4. Giải thích thứ lớp thiền Ba-la-mật; 5. Phân biệt Pháp tâm thiền Ba-la-mật; 6. Phân biệt tiền phương tiện thiền Ba-la-mật; 7. Giải thích tu chứng thiền Ba-la-mật; 8. Hiện bày quả báo thiền Ba-la-mật; 9. Nói khởi giáo thiền Ba-la-mật; 10. Kết hội quy thú thiền Ba-la-mật. Nay y cứ mười nghĩa này để nói về văn thiền Ba-la-mật thì lược thâu trước sau giáo pháp của Chư Phật. Lý thì xa thông Bí tạng của Như lai, tất cả pháp giới Viên diệu. Hoặc giáo hoặc hạnh, hoặc sự hoặc lý trước từ phạm phu, sau đến cực Thánh. Chỗ có nhân quả hạnh vị đều ở trong ấy. Nếu hành giả hiểu rõ ý thú thiền môn thì tự nhiên hiểu rõ tất cả Phật pháp chẳng đợi tìm thứ khác. Cho nên Đại thừa nói: Thí như kéo một góc áo thì các chỗ đều động. Sở dĩ trước nói: Đại ý thiền Ba-la-mật là Bồ-tát phát tâm làm chính, cầu pháp Bồ-đề tịnh diệu, phải chọn lựa thật giả, khéo biết bí yếu. Nếu muốn đầy đủ tất cả pháp tạng của chư Phật thì chỉ có thiền là cao quý nhất. Như được châu ngọc thì các báu đều được, cho nên phát ý tu thiền đã muốn tu tập phải biết danh tự, tìm tên lấy lý thì nghĩa không dối. Để giải thích tên thiền tìm tên cầu lý. Lý thì không môn nào chẳng thông. Kế nói thiền môn thiền định kín xa, không do đâu đốn nhập, phải từ cạn đến sâu. Phải giải thích thuyên thứ lớp, hễ muốn lợi sông cạn sâu cần phải khéo biết cảnh trí trong thiền. Do đó kế là chọn pháp tâm. Đã nói biết pháp tâm. Nếu muốn tập hạnh, thì sự phải khéo léo. Kế là phân biệt phương tiện, y pháp mà làm, sẽ có chỗ chứng. Kế là giải thích tu chứng, nếu

được nội tâm tương ứng, nhân thành thì cảm quả. Kế hiển bày quả báo từ nhân đến quả, tự hạnh đã tròn liền thọ lập công lợi ích chúng sinh. Kế là giải thích giáo môn. Lý giáo đã xong thì đầy đủ pháp tướng đồng về đạo Bình đẳng nhất thật. Kế là kết hội chỉ quy. Lấy mười nghĩa sinh nhau này mà giải thích thiên Ba-la-mật gồm nhiếp tất cả các hạnh pháp môn. Sau cùng là tìm văn rõ ràng rất dễ thấy. Cho nên kinh Đại Phẩm chép: Bồ-tát từ xưa đến nay trụ trong thiên Ba-la-mật, tu đầy đủ tất cả Phật pháp, cho đến ngồi đạo tràng, thành Nhất thiết chủng trí, khởi xoay bánh xe pháp. Đó gọi là thứ đệ hạnh, thứ đệ học, thứ đệ đạo của Bồ-tát.

CHƯƠNG I: ĐẠI Ý CỦA THIÊN BA LA MẬT :

Nay nói Bồ-tát tu thiên Ba-la-mật có hai điều: Một là phân biệt chỗ sai; hai là nói về chỗ thực hành.

Một phân biệt chỗ sai, có mười hạng người phát tâm tu thiên khác nhau: phần nhiều đều rơi vào sai trái, chẳng vào pháp môn thiên Ba-la-mật. Mười hạng người gồm: Một là vì lợi dưỡng mà phát tâm tu thiên thì phần nhiều thuộc về phát tâm địa ngục; Hai là sinh tâm tà ngụy, vì danh tiếng khen ngợi mà phát tâm tu thiên thì phần nhiều đều thuộc về tâm quỷ thần; Ba là vì quyến thuộc mà phát tâm tu thiên thì phần nhiều đều thuộc về tâm súc sinh; Bốn là vì ganh ghét ham hơn người khác mà phát tâm tu thiên thì phần nhiều đều thuộc phát tâm A-tu-la; Năm là vì sợ khổ bảo dưỡng ác, dứt các nghiệp bất thiện mà phát tâm tu thiên thì phần nhiều thuộc tâm loài người; Sáu là vì tâm lành an vui mà phát tâm tu thiên thì phần nhiều thuộc tâm sáu tầng trời cõi dục; Bảy là vì được thế lực tự tại mà phát tâm tu thiên phần nhiều thuộc về phát tâm ma-la; Tám là vì được trí tuệ bén nhạy mà phát tâm tu thiên thì phần nhiều thuộc về phát tâm ngoại đạo; Chín là vì sinh lên cõi Phạm thiên mà tu thiên thì đây thuộc phát tâm cõi sắc, cõi vô sắc; Mười là vì muốn vượt khổ sinh già bệnh chết, mau được Niết-bàn mà tu thiên thì đây là thuộc về phát tâm Nhị thừa. Ở mười hạng người này thiện ác tuy khác, phước thoát khác nhau nhưng đều là không có đại bi chánh quán, phát tâm tà tịch nên đều rơi vào hai biên, chẳng đến Trung đạo. Nếu trụ vào tâm này mà tu hành thiên định thì chẳng bao giờ được tương ứng với pháp môn thiên Ba-la-mật.

Hai nói chỗ thực hành của Bồ-tát là chính nói rõ đại ý nói người thực hành hạnh Bồ-tát tu thiên Ba-la-mật, tức có hai ý: Một là trước nói tướng Bồ-tát phát tâm; Hai là chánh nói chỗ làm của Bồ-tát tu thiên.

Thế nào là tướng phát tâm của Bồ-tát? Đó là phát tâm Bồ-đề.

Tâm Bồ-đề, tức là Bồ-tát dùng Trung đạo chánh quán, dùng các pháp thật tướng thương xót tất cả khởi tâm đại bi, phát bốn thệ nguyện rộng lớn. Bốn thệ nguyện rộng lớn là: Một là chưa độ khiến được độ, cũng gọi là chúng sinh vô biên thệ nguyện độ; Hai là chưa hiểu khiến được hiểu, cũng gọi là phiền não vô số thệ nguyện dứt; Ba là chưa an khiến được an, cũng gọi là pháp môn vô tận thệ nguyện biết; Bốn là chưa được Niết-bàn làm cho được Niết-bàn, cũng gọi là Phật đạo Vô thượng thệ nguyện thành. Bốn pháp này tức đối với bốn đế. Nên kinh Anh Lạc nói: Chưa vượt khổ đế khiến vượt khổ đế, chưa hiểu tập đế khiến hiểu tập đế, chưa an đạo đế khiến cho an đạo đế, chưa chứng diệt đế khiến cho chứng diệt đế. Mà bốn pháp này nếu ở trong tâm Nhị thừa thì chỉ được gọi là đế, vì duyên lý ấy xét thật chẳng sai lầm. Nếu ở trong tâm Bồ-tát thì riêng được gọi là Hoàng thệ. Vì sao? Vì Bồ-tát tuy biết bốn pháp là rốt ráo vắng lặng, nhưng vì lợi ích chúng sinh, mà khéo léo phương tiện duyên với bốn pháp này, tâm ấy rất lớn nên gọi là hoàng. Từ bi thương xót, chí cầu pháp này, tâm như kim cương, chế tâm chẳng thối chẳng mất, sẽ được trọn thành, nên gọi là thệ nguyện. Nếu hành giả phát đầy đủ bốn nguyện này, khéo biết bốn tâm, nhiếp tất cả tâm, tất cả tâm tức là một tâm, cũng chẳng được một tâm mà đủ tất cả tâm. Đó gọi là tâm Bồ-đề thanh tịnh. Vì tâm này sinh nên được gọi là Bồ-tát. Cho nên luận Đại thừa có kệ rằng:

*Nếu khi mới phát tâm
Thệ nguyện sẽ thành Phật
Đã vượt qua thế gian
Phải thọ đời cúng dường.*

- Thế nào là chỗ thực hành của người hạnh Bồ-tát tu thiền ra làm. Đại Bồ-tát đã phát tâm Bồ-đề rồi suy nghĩ vì muốn làm đầy đủ bốn thệ nguyện rộng lớn phải làm đạo Bồ-tát. Vì sao? Vì nếu có nguyện mà không có hành (làm). Như muốn độ người đến bờ kia mà không dự bị thuyền bè. Phải biết thường ở bờ bên này không hề được độ. Như người bệnh có thuốc mà không chịu uống, phải biết là bệnh chẳng thể lành. Như người nghèo thấy châu báu mà không lấy thì phải thường nghèo túng. Như người muốn đến chỗ xa mà không chịu bước đi thì người này sẽ chẳng đến chỗ. Bồ-tát phát bốn thệ nguyện rộng lớn, chẳng tu bốn hạnh cũng giống như thế. Lại nghĩ rằng: nay tôi trụ vào pháp môn nào tu đạo Bồ-tát mà mau được hoàn mãn bốn nguyện này. Tức biết trụ vào thiền định sâu thì hay đủ bốn nguyện. Vì sao? Vì như không có sáu thông, bốn biện thì dùng pháp nào mà độ chúng sinh. Nếu tu sáu thông,

mà không có thiền thì chẳng phát, cho nên kinh nói: Tu sâu thiền định được năm thân thông. Muốn dứt phiền não mà không có thiền thì chẳng trí. Từ thiền phát tuệ thì mới dứt được các kiết sử. Tuệ mà không định thì như đèn trong gió. Muốn biết pháp môn, phải biết tất cả công đức trí tuệ đều ở trong thiền. Như Luận Ma-ha-diễn chép: Nếu Chư Phật thành đạo xoay bánh xe pháp, vào Bát Niết-bàn có bao nhiêu công đức đều ở trong thiền. Lại nữa, Bồ-tát nhập vào Tam-muội Vô Lượng Nghĩa Xứ, một tâm đầy đủ muôn hạnh, hay biết tất cả vô lượng pháp môn. Nếu muốn đầy đủ vô lượng Phật đạo mà chẳng tu thiền định thì cõi Sắc, Vô sắc và đạo ba thừa còn chẳng được, huống chi là được Vô thượng Bồ-đề. Phải biết muốn lên Vô thượng Diệu giác, thì trước phải nhập vào Tam-muội Kim Cương, thì các Phật pháp bèn hiện ra trước. Bồ-tát như thế, thâm tâm suy nghĩ xét biết thiền định làm cho đủ bốn nguyện. Như Đại thừa có nói kệ:

*Thiền là kho lợi trí
 Ruộng phước của công đức
 Thiền như nước thanh tịnh
 Rửa sạch được bụi dục
 Thiền là giáp kim cương
 Ngăn được tên phiền não
 Tuy chưa được vô vi
 Phần Niết-bàn đã được
 Được Tam-muội Kim Cương
 Nghiền nát núi kết sử
 Được năng lực sáu thông
 Độ được vô lượng người
 Bụi mù che mặt trời
 Mưa lớn thấm nước lâu
 Giác quán về gió động
 Thiền định diệt được hết.*

Kệ này là nói chứng nhân tu thiền định đầy đủ bốn nguyện.

Hỏi: nếu Bồ-tát muốn đầy đủ bốn thế nguyện rộng lớn thì phải thực hành mười Ba-la-mật, sao chỉ khen ngợi thiền định?

Đáp: Bốn nghĩa kém trước, năm nhân thiền sau, nay thì trong đó mà nói. Vì sao? Vì Bồ-tát vô lậu tu thiền thì sẽ đầy đủ, bốn Độ tăng thượng, năm thứ dưới cũng thế. Như Bồ-tát phát tâm tu thiền thì tất cả gia nghiệp trong ngoài đều bỏ, chẳng tiếc thân mạng ở chỗ vắng, chẳng chút mền tiếc. Đó gọi là Đại xả. Lại nữa, Bồ-tát vì tu thiền mà thân tâm

chẳng động, đóng cửa sáu căn, điều ác không từ đâu mà vào, gọi là Đại trì giới. Lại nữa, Bồ-tát vì tu thiền mà hay nhẫn được điều khó nhẫn, tức là tất cả vinh nhục đều yên nhẫn. Nếu bị các điều ác đến hại, sợ chướng Tam-muội chẳng sinh buồn giận, đó gọi là nhẫn nhục. Lại nữa, Bồ-tát vì tu thiền mà nhất tâm tinh tấn, nếu thân mệt khổ cũng chẳng hề lui sụt. Dụ như cái dùi lửa, thường ngồi chẳng nằm, nhiếp các loạn ý, không hề buông lung. Nếu trải nhiều năm không chướng cũng không hề lui sụt. Đó là làm việc khó làm, tức là Đại tinh tấn. Cho nên biết nhân duyên tu thiền, tuy chẳng tác ý riêng thực hành bốn độ mà bốn độ tự thành. Lại nữa Bồ-tát, nhân tu thiền định mà đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát tu thiền nhất tâm chánh trụ. Vì tâm ở trong định nên biết được tướng pháp sinh diệt thế gian. Trí tuệ phát mạnh như suối trong đá nên Đại thừa nói kệ rằng:

Bát-nhã Ba-la-mật

Thật pháp chẳng diên đảo

Niệm tưởng quán đã trừ

Pháp nói năng đều diệt

Vô lượng các tội dứt

Tâm thanh tịnh thường nhất

Người Tôn Diệu như thế

Thì thấy được Bát-nhã.

Lại nữa, nhờ thiền mà đầy đủ phương tiện Ba-la-mật, tất cả phương tiện khéo léo cần phải thấy cơ. Nếu chẳng thâm nhập vào thiền định, thì làm sao thấy rõ được căn tánh khởi các phương tiện dắt dẫn chúng sinh. Lại nữa, nhờ thiền mà đầy đủ năng lực Ba-la-mật, tất cả tự tại biến hiện các năng lực thần thông đều nhờ thiền phát đủ như trong luận Đại thừa có nói. Lại nữa, do thiền mà đầy đủ nguyện Ba-la-mật như trong luận Đại thừa có nói: Bồ-tát thiền định như đờn A-tu-la, phải biết tức là tướng đại nguyện thành tựu. Lại nữa, nhờ thiền định mà đầy đủ trí Ba-la-mật. Như Nhất thiết trí, Đạo chủng trí, Nhất thiết chủng trí không phải định thì chẳng phát, nghĩa ấy rất dễ thấy. Người khéo tu thiền liền thành tựu mười Ba-la-mật, đầy đủ muôn hạnh tất cả pháp môn. Cho nên Bồ-tát muốn đủ tất cả nguyện thực hành các Ba-la-mật, thì phải tu thiền định, việc đó như trong luận Đại thừa nói. Hỏi: Pháp Bồ-tát chính là độ chúng sinh làm nhiệm vụ, vì sao lại riêng ở núi mà bỏ chúng sinh, chỉ nhàn cư tự tiện? Đáp: Bồ-tát tuy thân bỏ mà tâm không bỏ. Như người bị bệnh phải uống thuốc tạm nghỉ không làm việc, khi lành bệnh thì lại làm việc như trước, Bồ-tát cũng như thế. Thân tuy lìa chúng sinh mà

tâm thường thương xót ở chỗ vắng lặng là uống thuốc thiền định được trí tuệ chân thật, trừ bệnh phiền não, khởi sáu thần túc, lại sinh vào sáu đường mà rộng độ chúng sinh. Vì nhân duyên như thế nên Đại Bồ-tát phát ý tu thiền Ba-la-mật. Tâm như kim cương, Thiên ma ngoại đạo và các Nhị thừa không thể ngăn cản phá hoại.

CHƯƠNG II: GIẢI THÍCH TÊN GỌI THIÊN BA LA MẬT:

Nay giải thích tên thiền Ba-la-mật lược có ba ý: 1. Chọn riêng tên cộng (chung) và Bất cộng (chẳng chung); 2. Phiên dịch; 3. Phân biệt.

1- Chọn tên riêng cộng và bất cộng, có hai ý: Một là tên cộng; hai là tên bất cộng. Một, là tên cộng: Như một chữ Thiền phạm phu ngoại đạo, Nhị thừa Bồ-tát và Chư Phật đạt được thiền định đều gọi là cộng; Hai, là tên gọi bất cộng, ba chữ Ba-la-mật, dịch là Đáo bỉ ngạn. Đây chỉ y cứ cứ vào Bồ-tát và Chư Phật. Luận Đại thừa nói: Thiền ở trong tâm Bồ-tát, gọi là Ba-la-mật, đó là bất cộng. Vì sao? Vì phạm phu thì trước ái, ngoại đạo thì trước kiến, còn Nhị thừa không có đại bi phương tiện nên chẳng thể tu hết tất cả thiền định, do đó chẳng được gọi là Đáo bỉ ngạn. Cho nên nói Ba-la-mật tức là bất cộng. Lại nữa, thiền gọi là tứ thiền, phạm phu ngoại đạo Nhị thừa Bồ-tát chư Phật đồng được định này nên gọi là Cộng. Còn Ba-la-mật gọi là độ vô cực (vô vi), ở đây chỉ Bồ-tát Chư Phật như thiền mà thấu suốt Trung đạo Phật tánh, sinh ra chín thứ Đại thiền, được đại Niết-bàn, chẳng cùng chung với phạm phu Nhị thừa, nên Ba-la-mật gọi là Bất cộng. Luận chung thì không nhọc phân biệt. Vì sao? Vì thiền tự có cộng thiền và bất cộng thiền, Ba-la-mật cũng thế, có cộng và bất cộng. Luận Đại thừa chép: Tiếng Thiên-trúc phạm làm việc xong đều gọi Ba-la-mật.

2. Phiên dịch, có hai ý: Một là phiên thích tên cộng, hai là phiên thích tên bất cộng.

Phiên thích tên cộng, tên cộng tức là thiền, cũng có hai ý: Một là chánh dịch tên, hai là giải thích:

Phiên tên cộng, Thiền là tiếng nước ngoài, Hán dịch thì bất định, nay lược có ba lời dịch: một là luận Đại thừa dịch là thiền, đời Tần dịch là Tư duy tu; hai là nêu lệ dịch xưa như đàn Ba-la-mật thì Hán dịch là Bố thí độ, thiền Ba-la-mật thì dịch là định độ, vậy biết Thiền dịch là Định; ba là trong A-tỳ-đàm dịch Thiền là công đức tòng lâm.

Giải thích ba từ dịch này, có hai ý: một là riêng, hai là chung: Nếu giải thích riêng Tư duy tu, đây là đối nhân. Vì sao? Vì tư duy là suy tính, tu là chuyên tâm nghiên cứu tu tập, nên để đối với tu nhân. Dịch

Thiền là Định thì đây là Đối quả, là sao, vì định là tịnh mặc (yên lặng) là hành giả lìa tán loạn cầu tịnh đã được tịnh trụ, thù đáp lại vốn đã tu tập nên để đối quả. Dịch Thiền là Công đức tông lâm, đây là đối chung nhân quả. Như công là công phu do đó đối nhân, chứa công thành đức dùng để đối quả. Như muôn hạnh là đối nhân, muôn đức là đối quả. Nhân quả hợp dịch nên gọi là Công đức tông lâm. Thí như hiển công đức chẳng phải một. Vì sao? Như nhiều cỏ cùng nhóm họp gọi là Tông, các cây cối nương nhau gọi là lâm. Bụi cỏ nhỏ có thể dụ cho công nhỏ trong nhân, rừng cây lớn có thể dùng để đối đức lớn của quả trên. Đây mà suy thì công đức tông lâm đối nhân quả, nghĩa đó rất tiện; - Nếu giải thích chung Thiền, ba từ dịch ấy đều đối nhân quả, vì sao? Vì tịnh lự trong định tức là Tư duy, thừa trên ích dưới, nên gọi là Tu. Đây là dùng số người trong chín tu, thừa tu nghĩa ở trên làm loại. Trong quả cũng được nói tư duy, trong nhân cũng được nói định. Như mười đại địa tâm số, trong nhân cũng được nói định. Như mười đại địa tâm số, tán tâm còn được nói định, hướng chi là hành giả chuyên tâm thức niệm, giữ một chẳng tan mà chẳng gọi là định ư? Cho nên biết trong nhân cũng được nói là định. Trong nhân cũng được gọi là công đức tông lâm, công trong nhân nghĩa trước đã nói. Do vận công cho nên liền thành đức, thành nhân. Nghĩa đức trong quả cũng như trước nói. Nói công tức là công dụng, trên quả có tịch tịnh lìa lỗi, có dụng thần thông biến hóa lợi ích chúng sinh, nên gọi là công, nhân và quả đều là các công đức thiện tạo thành, gọi chung là công đức tông lâm. Lại nữa, trong các kinh luận, dịch tên lập nghĩa khác nhau. Hoặc nói thiền là bỏ ác, hoặc nói tạt đại tạt trụ đại trụ, chỗ như thế khác nhau, không thể riêng chấp; hai là phiên thích từ ngữ bất cộng, tức là Ba-la-mật, cũng có hai ý: Một là dịch tên; hai là giải thích. Dịch tên, lược nêu ba dịch khác nhau; Một là trong các kinh luận phần nhiều dịch là Đáo bỉ ngạn; Hai là trong luận Đại thừa riêng dịch là sự rốt ráo; Ba là trong kinh Thụy Ứng dịch là Độ Vô Cực. Giải thích ba từ dịch này, cũng có hai ý chung và riêng đều đối sự lý danh nghĩa: Một là giải thích riêng. Sinh tử là bờ này, Niết-bàn là bờ kia. Phiền não là giữa dòng sông, Bồ-tát dùng diệu tuệ vô tướng ngồi thuyền bè thiền định từ bờ sinh tử bên này mà vượt sang bờ Niết-bàn bên kia. Cho nên y cứ lý định để nói về Ba-la-mật. Nói sự rốt ráo tức là Bồ-tát Đại Bi vì chúng sinh khắp tu tất cả sự hạnh đầy đủ. Nên Luận Đại thừa nói: Bồ-tát nhờ thiền mà rốt ráo được các sự. Thiền ở trong tâm Bồ-tát gọi là Ba-la-mật. Đây là y cứ vào sự hạnh mà nói Ba-la-mật. Nói Độ vô cực, nói chung sự lý đều có nghĩa sâu xa. Hợp mà nói nên

gọi Độ vô cực. Ở đây y cứ sự lý hạnh mãn mà nói Ba-la-mật; Hai là giải thích chung ba từ dịch, đều được đồng đối sự lý, đều tùy duyên hóa vật nên đặt tên khác. Vì sao? Vì nếu nói tuệ vô tướng vượt qua sinh tử nên thuộc về lý hạnh. Nay nói trong lý có Phật, không Phật, tánh tướng luôn thường, há luận tuệ vô tướng mà vượt được sinh tử, hoàn toàn là ở sự mà nói thế. Sự rốt ráo cũng từ lý mà đặt tên. Nếu duyên lý mà khởi sự hạnh thì phải biết nói sự rốt ráo cũng là y cứ lý mà gọi Ba-la-mật. Độ vô cực cũng chưa ắt một bề ở sự lý vô cực mà gọi Ba-la-mật. Vì sao? Chư Phật tùy duyên lợi vật ẩn hiện bất định vô cực, hoặc lúc đối sự, hoặc lúc đối lý, đâu có tiêu chuẩn nhất định. Phải biết ba tên gọi ấy lý sự đều thông, chưa hẳn có sở thuộc riêng (thực riêng). Các thứ khác lệ theo mà biết. Giải thích nghĩa Ba-la-mật đến chương thứ mười kết hội quy thú sẽ nói riêng; Ba là phân biệt như trong luận Đại thừa nói. Hỏi rằng: Bối xa, Thắng xứ, Nhất thiết xứ, v.v... Vì sao chẳng gọi là Ba-la-mật mà gọi riêng Thiên là Ba-la-mật? Đáp: Thiên cao quý như vua. Nói thiên Ba-la-mật là đều nhiếp tất cả, là trong bốn thiên thì có tám Bối xa, tám Thắng xứ, mười Nhất thiết xứ, bốn Vô lượng tâm, năm thần thông, luyện Thiên Tự Tại Định, mười bốn tâm Biến hóa, Tam-muội Vô Tránh, Nguyên Trí Đánh Thiên Thủ-lăng-nghiêm, v.v... các Tam-muội. Trăm thì có tám Chư Phật bất động, trăm thì hai mươi đều ở trong thiên. Nếu Chư Phật thành đạo, xoay bánh xe pháp, nhập Niết-bàn, v.v... có các công đức thắng diệu thì đều ở trong thiên. Nói thiên thì nhiếp tất cả, nếu nói các định khác thì có chỗ chẳng nhiếp, cho nên thiên gọi là Ba-la-mật. Lại nữa, trong bốn thiên thì Trí Định bằng nhau nên nói Ba-la-mật. Vị đạo địa Trung Gian Thiên thì trí nhiều mà định ít. Ở bốn Vô Sắc thì định nhiều mà trí ít, như bánh xe một mảnh một yếu thì không chuyên chở được. Còn bốn thiên thì trí định bằng nhau, nên nói là Ba-la-mật. Lại nữa, y cứ thiên mà nói Ba-la-mật, thì nhiếp tất cả các định. Vì sao? Vì Thiên, đời Tần dịch là Tư duy tu, các định này đều là Tư duy tu công đức. Phải biết các định đều được gọi là Ba-la-mật. Như trong Đại phẩm nói trăm Ba-la-mật, cũng nói Bối xa, Thắng xứ, v.v... đều gọi là Ba-la-mật. Chỉ ở bốn thiên thì căn bản trước nhận tên ấy đều chung cho các định khác. Hỏi: ở trên nói thiên định Tam-muội Ba-la-mật là đồng hay khác? Đáp: Nếu nói chung về danh nghĩa thì đều chung, nếu giải riêng về danh nghĩa bốn pháp thì đều có chủ đối. Vì sao? Vì bốn thiên căn bản chỉ gọi là thiên, không phải định Tam-muội, cũng chẳng gọi Ba-la-mật, Vô Sắc chỉ gọi là định, không phải thiên Tam-muội, cũng chẳng gọi là Ba-la-mật. Vị Đáo Địa thiên trung gian tuy không phải là chánh

thiền định, vì là phương tiện nên hoặc gọi là Thiền hoặc gọi là Định, không phải Tam-muội, cũng chẳng gọi Ba-la-mật. Không, vô tướng, v. v... chỉ gọi Tam-muội, không phải thiền định cũng chẳng gọi Ba-la-mật, bối xả, thắng xứ, sáu thông, bốn biện, v.v... có đủ ba pháp thiền, định, Tam-muội mà không gọi Thiền định Tam-muội, cũng không phải Ba-la-mật. Chín định thứ đệ có đủ ba pháp mà chỉ gọi là định, không gọi là Thiền Tam-muội, cũng không phải Ba-la-mật. Có Giác có Quán và Sư Tử, siêu việt, Vô Trách, v.v... cũng đủ ba pháp mà chỉ gọi là Tam-muội, không gọi là Thiền định, cũng không phải Ba-la-mật. Nguyễn Trí Đảnh, v.v... có đủ ba pháp mà chỉ gọi là Thiền, không gọi là Định Tam-muội, cũng không phải Ba-la-mật. Chín thứ Đại thiền và Thủ-lăng-nghiêm, v.v... đều có đủ bốn pháp, cũng gọi là thiền, là định, là Tam-muội, tức là Ba-la-mật. Nếu dùng tâm Thủ-lăng-nghiêm vào ba pháp trước, thì tất cả đều gọi là Ba-la-mật. Cho nên trong trăm Ba-la-mật, tất cả pháp môn đều gọi là Ba-la-mật. Nay lược đối bốn pháp phân biệt như trước. Nếu các bậc Đại Thánh khéo léo tùy duyên lợi ích chúng sinh thì nói không có tiêu chuẩn nhất định mà giải thích, v.v... cho nên trong các kinh luận đặt tên khác nhau, ý nói khó thấy, chẳng thể lằm chấp. Mà trong kinh luận phần nhiều đều y cứ thiền mà nói Ba-la-mật là vì bốn thiền căn bản là gốc các hạnh, tất cả công đức nội hạnh đều do bốn thiền mà phát, đều nương bốn thiền mà trụ. Do đó riêng thiền được gọi là Ba-la-mật. Hỏi: Thiền Ba-la-mật chỉ có một tên, sao lại có tên gọi khác? Đáp: Như trong kinh Niết-bàn nói: Nói Phật tánh là có năm tên cũng gọi là Thủ-lăng-nghiêm, hay Bát-nhã, hay Trung đạo, hay Tam-muội Kim Cương Đại Niết-bàn, hoặc Thiền Ba-la-mật, tức là Phật tánh. Cho nên biết chỗ nói trong các kinh kia các thứ pháp môn thắng diệu có vô lượng tên, nhưng đều là tên khác mà đều là thiền Ba-la-mật. Cho nên Luận Đại thừa có kệ rằng:

*Bát-nhã là một pháp
Phật nói các thứ tên
Tùy các loại chúng sinh
Mà đặt nhiều tên khác
Nếu người được Bát-nhã
Tâm hỷ luận đều diệt
Thí như mặt trời mọc
Sương mù đều tan biến.*

Dùng đây so sánh qua bài kệ này tên thiền há chẳng chung khắp. Nếu thiền định ấy chẳng nhiếp đầy đủ tất cả các pháp thì không phải là

rốt ráo, đâu được gọi là nghĩa Ba-la-mật.

Hỏi: Các pháp thật tướng Thủ-lăng-nghiêm và đến bờ kia, v.v... chỉ có Phật mới gọi là rốt ráo. Vì sao việc làm thiền định của Bồ-tát lại gọi là Ba-la-mật?

Đáp: Vì trong nhân nói quả, tùy phần mà nói. Cái gọi là nói phát tâm và rốt ráo hai thứ của đốn giáo chẳng khác nhau. Vì nhiều nghĩa như thế cho nên Bồ-tát thực hành thiền định cũng được gọi là Ba-la-mật.

CHƯƠNG III: NÓI THIÊN MÔN CỦA BA LA MẬT:

Hành giả khéo tìm tên gọi thì sẽ tự biết thể. Nếu muốn tiến tu, thì phải nhờ môn mà vào. Nay lược nói môn của thiền, có ba ý: Một là nêu môn thiền, hai là giải thích, ba là phân biệt. 1. Nêu môn thiền là nếu tìm kinh luận nói về thiền môn thì nhiều vô lượng. Nhưng về căn bản thì chỉ có hai thứ là sắc và tâm (danh). Như trong Đại thừa nói kệ rằng:

*Đối tất cả các pháp
Chỉ có danh và sắc
Nếu muốn quán như thật
Cũng phải quán danh sắc
Tuy si tâm nhiều tướng
Phân biệt đối các pháp
Không có một pháp nào
Ở ngoài danh và sắc.*

Nay đối với môn sắc lại chia làm hai, như trong kinh nói có hai môn cam lộ: Một là môn Quán bất tịnh, hai là môn A-na-ba-na, tâm môn chỉ có một môn, như trong kinh nói quán được tâm tánh gọi là Thượng định, mở sắc riêng với tâm. Ở đây thì thiền môn có ba: Một là môn thiền Thế gian, hai là môn thiền Xuất thế gian, ba là môn thiền Xuất thế gian Thượng thượng. Cho nên kinh Đại Tập chép: Có ba thứ nhiếp tâm: Một là nhiếp tâm Xuất pháp, hai là nhiếp tâm Diệt pháp, ba là nhiếp tâm Phi xuất phi diệt pháp. 2. Giải thích, trong môn này đều có hai ý chung và riêng: 1. Riêng nói môn, môn là năng thông như môn (cửa) ở đời thông người đến chỗ. Một lấy hơi thở làm thiền môn, nếu nhân hơi thở mà nhiếp tâm thì thông với hành tâm, đến bốn thiền, bốn không, bốn tâm vô lượng, mười sáu đặc thắng, thông minh, v.v... các thiền tức là môn thiền Thế gian, cũng gọi là nhiếp tâm Xuất pháp. Đây một bề cứ y thiền môn phạm phu; Hai là dùng sắc làm thiền môn. Như nhờ quán bất tịnh, v.v... mà nhiếp tâm thì thông được hành tâm.

Còn chín tướng, tám niệm, mười tướng, Bối xả, Thắng xứ, Nhất thiết xứ, Thứ đệ định, Sư tử phẩn tấn, Tam-muội Siêu việt, v.v... tức là môn thiền xuất thế gian, cũng gọi là nhiếp tâm Diệt pháp, một bề cứ nương vào Nhị thừa thiền môn; Ba là dùng tâm làm thiền môn. Nếu dùng trí tuệ phản quán tâm tánh thì thông được hành tâm. Còn các Đại Tam-muội Pháp Hoa, niệm Phật Bát-Chu, Giác Ý, Thủ-lăng-nghiêm và Tự Tánh Thiền, cho đến Thanh Tịnh Tịnh Thiền, v.v... là môn thiền Xuất thế gian thượng thượng, cũng gọi là nhiếp tâm Phi xuất phi diệt pháp. Ở đây cứ một bề y cứ vào Bồ-tát thiền môn, vì nghĩa ấy nên y cứ ba pháp làm môn: Một là như pháp tướng, hai là tùy tiện thay đổi, ba là nhiếp hết các pháp.

1) Như pháp tướng: như kinh Đại Tập nói thời Ca-la-la có ba việc: một là Mạng, hai là Noãn, ba là Thức. Hơi thở ra vào gọi là Thọ mạng, chẳng thúí chẳng rã gọi là Noãn (ấm) tức là nghiệp giữ hỏa đại; các sắc đại địa thủy, v.v... thúí rã. Trong đây tâm ý gọi là thức, tức là tâm hay biết từng sát-na. Ba pháp ấy hòa hợp từ sinh ra đến lớn lên không thêm không bớt. Người ngu trong ấy không hiểu bèn vọng chấp ngã nhân, chúng sinh v.v... làm các nghiệp hành, tâm sinh đắm nhiễm, do nhân duyên điên đảo mà qua lại ba cõi. Nếu tìm về nguồn cội thì chẳng ngoài ba pháp này. Cho nên ba pháp là môn chẳng nhiều chẳng ít.

2) Tùy tiện thay đổi: nên lập ba pháp làm môn. Như do hơi thở tu thiền thì có hai thứ tiện: Một là mau được thiền định, hai là dễ ngộ vô thường. Nếu lấy sắc làm môn, cũng có hai thứ tiện: một là dứt được tham dục, hai là dễ biết luống dối. Nếu tâm làm môn cũng có hai thứ tiện: một là hàng phục tất cả phiền não, hai là dễ ngộ lý không.

3) Nhiếp hết các pháp: Ba pháp này là căn bản thiền môn. Vì sao? Vì nêu cốt yếu nói ba, mở ra thì vô lượng. Như trong Tức môn (hơi thở) có số có tùy, hoặc có khi quán hơi thở, như thế chẳng phải một, chỗ đến cũng khác. Như trong sắc môn hoặc duyên sắc ngoài hoặc duyên sắc trong, hoặc làm từ bi, hoặc duyên tướng Phật cho đến hiểu được thật quán, như thế chẳng phải một, chỗ đến cũng khác. Như trong tâm môn, hoặc chỉ hoặc quán, hoặc giác hoặc liễu, hoặc biết rõ các tâm mà vào phi tâm, biết rõ phi tâm mà có ra vô lượng tâm, hoặc biết rõ phi tâm phi bất tâm, biết tất cả tâm và phi tâm, như thế mà duyên tâm khác nhau. Chỗ đến cũng chẳng phải một, cho nên nói ba môn nhiếp tất cả thiền môn. Việc này đến chương bảy - tám giải thích tu chứng mới thấy rõ. Hai là gọi chung ba môn. Ba pháp này được làm chung các thiền môn thế gian, xuất thế gian và xuất thế gian thượng thượng, v.v... Vì sao?

Vì như một tức pháp bất định chỉ thuộc môn thiền thế gian. Vì sao biết được? Như trong Tỳ-ni, Phật vì đệ tử Thanh văn nói quán hơi thở, v.v... mười sáu hành pháp. Đệ tử theo lời dạy mà tu đều được Thánh đạo. Cho nên biết cũng là môn thiền xuất thế gian, tức là môn Đại thừa. Như Đại phẩm nói A-na-ba-na tức là Bồ-tát Đại thừa. Cho nên kinh Thỉnh Quan Âm y cứ Sổ tức mà nói về Lục Tự Chương Cú, nói ba thừa được đạo. Ở đây đâu thể chỉ là thiền thế gian. Hai là sắc pháp làm môn, cũng chẳng được chỉ là chỗ làm của Nhị thừa mà chẳng chung với Đại thừa và phạm phu ngoại đạo. Vì sao? Vì như trong Niết-bàn chép: Ngoại đạo chỉ có thể trị sắc chẳng thể trị tâm, còn đệ tử ta thì khéo trị tâm, cho nên biết phạm phu cũng được quán sắc Đại thừa, về quán sắc như trong Đại phẩm nói: Tưởng sinh chương, tưởng rã nát, v.v... là Bồ-tát Đại thừa. Đây đâu thể chỉ là thiền xuất thế gian ư? Ba là y cứ tâm làm môn, cũng chẳng được y cứ vào Bồ-tát. Vì sao? Như ngoại đạo cũng quán tâm mà khởi bốn mươi tám kiến, phạm phu duyên tâm vào bốn không thông. Người Thanh văn như kinh Niết-bàn chép: Đệ tử ta khéo trị tâm, lia được ba cõi. Đây đâu chỉ là môn thiền xuất thế gian thượng thượng. Phải biết ba môn thông nhau, chỉ có ba thứ người dụng tâm khác nhau, cho nên phát thiền được đạo cũng đều khác nhau. Nghĩa này đến chương chín nói từ thiền Ba-la-mật khởi giáo phải phân biệt rộng. Thứ ba là phân biệt hai môn chung riêng. Hỏi: Nếu thế, vì sao phân biệt như trước? Đáp: Tất cả nghĩa lý có chung có riêng, giáo môn đối duyên làm lợi ích chúng sinh khác nhau, nên nói khác không lỗi. Lại nữa, trước không phải nói Liễu nghĩa chẳng nên chấp nhất định. Hỏi: Ba môn đều được thông. Nay ở sự sổ tức mà học thì có được chứng chín tướng, tám bối xả, tự tánh, v.v... các thiền hay chẳng? Đáp: Hoặc được hoặc chẳng được. Người sơ học chẳng được Nhị thừa, người học tự tại định thì được Bồ-tát, người đầy đủ phương tiện Ba-la-mật thì tùy ý vô ngại. Hỏi: Vì sao nói người sơ học chẳng được? Có người sổ tức mà phát chín tướng, bối xả, niệm Phật từ tâm, ở đây vì sao? Đáp: Đây là phát duyên xưa chẳng chánh, nhờ tu mà được chứng, duyên hết thì cũng mất hết chẳng tiến, chẳng hề thành tựu pháp môn thứ lớp. Sau hết trong nội phương tiện nói phát tướng gốc lành phải phân biệt rộng. Hai môn kia giống như thế rất dễ biết.